TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 42/2018/QĐST - HNGĐ	*Mỏ Cày Bắc, ngày 19 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 276/2018/TLST - HNGĐ, ngày 23/8/2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Trần Văn T, sinh năm 1982.
Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1987.
Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị C thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị C thỏa thuận sau khi ly hôn anh Trạng trực tiếp nuôi cháu Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 18/8/2004 và Trần Thị Tuyết V, sinh ngày 24/11/2007 hiện đang sống chung với anh T, chị Nguyễn Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị C thống nhất không có.

[4] Về nợ chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị C thống nhất không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị C thỏa thuận mỗi người phải nộp 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị C.

- Về con chung: Anh Trần Văn T trực tiếp nuôi cháu Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 18/8/2004 và Trần Thị Tuyết V, sinh ngày 24/11/2007 hiện đang sống chung với anh T, chị Nguyễn Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị C thống nhất không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị C thống nhất không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị C mỗi người phải nộp 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo các biên lai thu số 000xxxx, 000xxxx cùng ngày 23/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- UBND xã T, huyện M,
tỉnh Bến Tre (ĐKKH số xx, quyển số xx,
ngày 07/6/2006) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ việc dân sự, VT (3b).

THẨM PHÁN

Huỳnh Việt Thiện